

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
LỚP MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI C - TRƯỜNG MẦM NON GIA KHÁNH

A. MỤC TIÊU GIÁO DỤC - NỘI DUNG GIÁO DỤC

STT	Mục tiêu giáo dục năm	Nội dung giáo dục năm	Chủ đề thực hiện								
			TMN	BT	GD	NN	ĐV	TV	GT	TN	QH - TH
	I. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất										
	Phát triển vận động										
	Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp										
1	Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. Biết đến một số loại hình vận động, bộ môn thể thao, thể dục nhịp điệu, Erobic bài tập dân vũ theo chủ đề, b/tập thể dục TA.	Thực hiện các động tác hô hấp, tay - vai, lưng bụng lườn, chân - bật trong giờ thể dục sáng và các động tác tay - vai, lưng bụng lườn, chân - bật trong bài tập phát triển chung ở giờ thể dục kỹ năng. - Làm quen với một số loại hình vận động, bộ môn thể thao, thể dục nhịp điệu erobic, bài tập dân vũ theo chủ đề, bài tập thể dục tiếng anh và tham gia một số trò chơi vận động, trò chơi dân gian qua các hoạt động tập thể.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động:										
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.	x								
		- Đi trên dây (dây đặt trên sàn)		x							
		- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m.			x						
		- Đi nổi bàn chân tiến, lùi.						x			
		- Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m).				x					

		- Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.					X					
		- Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong 10 giây.								X		
		- Nhảy lò cò 5m bằng một chân, đổi chân theo yêu cầu.						X				
		- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.										X
		- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây.								X		
		- Bật liên tục vào các vòng, không chạm vòng.			X							
		- Bật tách, khép chân qua 7 ô vòng, không chạm.					X					
		- Bật qua vật cản (cao 15- 20cm)		X								
		- Bật xa 40 - 50cm không chạm vạch.				X						
		- Bật-nhảy từ trên cao xuống độ sâu (40-45cm) giữ được thăng bằng.							X			
3	Kiểm soát được vận động:	- Đi thay đổi hướng (dịch dắc) theo hiệu lệnh.	X									
		- Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh. (đổi hướng ít nhất 3 lần)			X							
4	Phối hợp tay - mắt trong vận động:	- Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay	X									
		- Đi, đập và bắt được bóng nảy (4-5l) liên tiếp.				X						
		- Lăn bóng bằng 2 tay và đi theo bóng.					X					
		- Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m).								X		
		- Ném vật ra xa bằng 2 tay.	X									
		- Ném vật ra xa bằng 1 tay.		X								
		- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay.			X							
		- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay.										X
		- Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay.						X				
		- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay.								X		

		- Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân;								X	
		- Chuyển bóng bên phải, bên trái.		X							
		- Trèo lên xuống 7 gióng thang liên tục. (cao 1,5m)					X				
5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong t/hiện tập tổng hợp:	- Ném xa bằng 2 tay. Chạy nhanh 18m trong 10 giây								X	
		- Bật tách khớp chân - ném trúng đích đứng (cao 1,5m, xa 2m)									X
		- Bật xa - tung và bắt bóng - chạy nhấc cao đùi.									X
		- Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.							X		
		- Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục.				X					
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt.											
6	Thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay; Gập mở lần lượt từng ngón tay	- Các động tác, cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay, gập, mở lần lượt từng ngón tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp.				X					
7	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong 1 số hoạt động:	- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.									X
		- Cắt theo đường viền của hình vẽ, vòng cung.								X	
		- Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.			X						
		- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.							X		
		- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa...		X							
		- Chơi với cát, sỏi, các nguyên liệu thiên nhiên...	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		- Nhấn, di chuột và gõ được nút trên bàn phím máy tính.	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		- Làm một số món ăn, nước uống: Bánh bao, bánh trôi, nem rán, Salat... pha nước chanh	X	X	X	X	X	X	X	X	X

		đường, nước cam, sữa chua dầm hoa quả...									
	Giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe										
	Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.										
8	Lựa chọn được 1 số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm: + TP giàu chất đạm: thịt, cá, trứng, sữa, tôm, cua... + TP giàu chất béo: dầu, mỡ, bơ, lạc... + TP giàu chất bột: gạo, ngô, khoai, bánh mì... + TP giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả, củ...		x				x			
9	Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nói tên một số món ăn được ăn ở trường và ở nhà.	x		x						
		- Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn, thức uống.			x						
10	Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)					x	x			
	Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt										
11	Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt,	- Tập luyện kỹ năng rửa tay bằng xà phòng. Tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.		x							

	đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách: vịn vòi nước, xả nước...									
12	Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Tập làm 1 số công việc tự phục vụ trong ăn uống. - Cách sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo, đúng cách: Bàn ghế, thìa ca, cốc, đĩa, khăn... - Rèn luyện thói quen tự phục vụ, tính cộng tác, chia sẻ với bạn bè thông qua việc giúp cô chuẩn bị bữa ăn, trang trí bàn tiệc...	x								
13	Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: Biết văn minh, lịch sự khi ăn tiệc Buffet và ăn tự chọn	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ko ăn quà vặt ngoài đường. - Có 1 số hành vi ăn uống văn minh, lịch sự khi đi ăn Buffet, sinh nhật và ăn tự chọn.	x								
14	Có 1 số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh. Biết phòng tránh 1 số bệnh về mắt, răng miệng.	- Thói quen vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Thói quen che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhả bậy ra lớp.		x							
		- Lựa chọn và mặc trang phục phù hợp với thời tiết: Ra nắng đội mũ; Đi tắt, mặc quần áo ấm khi trời lạnh... - Nhận biết 1 số biểu hiệu đơn giản khi ốm (ho,			x					x	

		sốt, đau bụng, đau đầu...) và nói với người lớn; Nguyên nhân và cách phòng tránh.								
		- Một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh về mắt, răng miệng.		X	X					
	Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh									
15	Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: ổ cắm điện, phích nước, bếp điện... những vật sắc, nhọn như dao, kéo...			X	X				
16	Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	- Nhận biết những nơi nguy hiểm: hồ, ao, rãnh nước, bể chứa nước, cống thoát nước, giếng, bụi rậm... - Tuyệt đối không được lại gần và chơi ở những nơi nguy hiểm.				X				
17	Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh. Trẻ biết đưa ra lựa chọn đúng - sai trong các tình huống đơn giản.	- Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sắc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. - Biết lựa chọn hành vi an toàn, lịch sự.		X				X		
18	Nhận biết được 1 số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...				X				
		- Nhận ra người lạ, không đi theo người lạ, không cho người lạ bế ẵm, không nhận bánh kẹo, nước ngọt khi người lạ cho hoặc rủ đi			X					X

		chơi										
		- Không tự ý ra khỏi nhà, trường, lớp khi không được sự cho phép của người lớn, cô giáo	x									
		- Nhớ tên, địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.			x							
19	Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	x									
		- Ý thức chấp hành luật giao thông: Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.							x			
II Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức												
Khám phá khoa học												
Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng												
20	Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... Phát huy khả năng tư duy logic giải quyết vấn đề, cung cấp cơ hội học tập và trải nghiệm qua tiếp cận phương pháp giáo dục tiên tiến.	- Quan sát, xem xét, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh và thảo luận, chia sẻ. - Dạo chơi vườn cổ tích, quan sát bầu trời, quan sát và thảo luận về thời tiết... - Các hoạt động giáo dục ứng dụng STEAM	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
21	Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật,	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.		x								
		- Đặc điểm, lợi ích, tác hại của con vật. Quá					x					

	hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	trình phát triển, điều kiện sống của con vật. - Cách chăm sóc, bảo vệ con vật. - Đặc điểm, lợi ích, tác hại của cây, hoa, quả. Quá trình phát triển, điều kiện sống của cây. Cách chăm sóc, bảo vệ cây. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật, và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Các nguồn nước, đặc điểm, tính chất, lợi ích của nước. Nguyên nhân ô nhiễm, cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất, của đất, đá, cát, sỏi.									
						X					
									X		
22	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển của cây. - Dự đoán 1 số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra (Mưa, gió, sấm chớp,...) và giải thích dự đoán của mình.						X			
										X	
23	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem	- Xem sách, tranh ảnh, video, mô hình... về đối tượng từ đó trò chuyện và thảo luận về đối tượng đó.	X	X	X	X	X	X	X	X	X

	sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. Cung cấp kiến thức, hiểu biết thông qua trải nghiệm môi trường thiên nhiên.	- Thảo luận về các đối tượng thông qua việc mở chủ đề. - Hoạt động trải nghiệm sáng tạo với môi trường tự nhiên sẵn có tại trường, lớp, địa phương.									
24	Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng. Phân loại đồ dùng theo 2- 3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao thông và phân loại theo 2- 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả theo 2- 3 dấu hiệu. - Phân loại con vật theo 2- 3 dấu hiệu.			X						
								X			
								X			
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản											
25	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.			X						
						X	X				
26	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn.									X
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau											
27	Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.			X						
							X	X			
28	Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện...; mô phỏng vận động/ di chuyển/	X	X	X	X	X	X	X	X	X

	tạo hình...	đáng điệu các con vật. - Hát các bài hát về trường lớp, gia đình, cây, con vật, mưa... - Vẽ, xé, nặn, dán các con vật, cây, mặt trăng, mặt trời, đồ dùng, đồ chơi...										
	Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán											
	Nhận biết số đếm, số lượng											
29	Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?.	- Tìm hiểu, hỏi về số lượng trong các hoạt động hàng ngày. - Đọc các số ở xung quanh.	x									
30	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Làm quen với số đếm, đọc, phát âm con số bằng tiếng anh.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Tập đếm số lượng từ 1- 10 bằng tiếng anh.		x	x	x	x	x	x	x		
31	So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong PV 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng của ba nhóm trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói kết quả.								x		
32	Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.		x	x	x	x	x	x			
33	Tách một nhóm đối tượng trong PV 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. VD: Tách nhóm 10 hạt na theo các cách sau: 1: 9, hoặc 2: 8, hoặc 3: 7, hoặc 4: 6, hoặc 5: 5		x	x	x	x	x	x			

34	Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. Biết xếp các số từ 1- 10	- Đếm và nhận biết số lượng từ 5- 10. - Nhận biết các con số trong phạm vi 10. - Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 10. - Sử dụng những nguyên vật liệu tái chế, nguyên vật liệu từ thiên nhiên để tạo ra các số từ 1 - 10.		x	x	x	x	x	x		
35	Nhận biết các con số được sử dụng trong c/sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số trang sách...)									x
	Sắp xếp theo quy tắc										
36	Biết sắp xếp các đối tg theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Sắp xếp theo thứ tự từ bé - lớn, từ lớn - bé. - Ghép thành cặp những đối tượng có liên quan (Ví dụ: bát - đĩa, quần - áo...)		x							
37	Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.					x				
38	Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp riêng, nói ra quy tắc đó và tiếp tục sắp xếp.					x				
	So sánh 2 đối tượng										
39	Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói được kết quả.	- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo.									x
		- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.								x	
	Nhận biết hình dạng										
40	Gọi tên, chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	x								

41	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí trên, dưới, trước, sau của đối tượng có sự định hướng. - Xác định vị trí của đồ vật: phía phải, phía trái của bạn khác, đối tượng khác có sự định hướng			X						
42	Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần theo thứ tự. - Nhận biết và phân biệt được các mùa và thứ tự các mùa trong năm.								X	
Khám phá xã hội											
Nhận biết bản thân, gia đình trường lớp mầm non và cộng đồng.											
43	Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.		X							
44	Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình.			X						
45	Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.	- Nhớ và nói được địa chỉ gia đình mình (thôn Bình Đề/Cao Lý/Gia Bùi, xã Gia Lộc, thành phố Hải Phòng), số điện thoại của bố mẹ.			X						
46	Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường mầm non trẻ học. - Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. - Các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.	X								

47	Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên các cô, các bác trong trường. - Công việc của các cô giáo, các cô nhân viên, bác bảo vệ trong trường.	x								
48	Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. Trẻ hiểu cảm xúc của người khác và thể hiện sự đồng cảm.	- Tên các bạn trong lớp, đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp. - Nhận biết cảm xúc của bạn qua nét mặt, lời nói. - Nhận thức sự khác biệt giữa mọi người (màu da, chiều cao, khả năng...) - Tôn trọng bạn bè, biết nói lời xin lỗi, cảm ơn.	x								
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương											
49	Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.				x					
Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh											
50	Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội như: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, Tết Nguyên Đán...	x					x			
51	Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của tỉnh Hải Dương (cũ) như: Côn Sơn Kiếp Bạc, Đảo Cò; Nhà tưởng niệm Lê Thanh Nghị tại quê hương xã Gia Lộc. Đến nay thuộc thành phố Hải Phòng.									x
III. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ											
Nghe hiểu lời nói											

52	Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Nghe hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp.	x									
53	Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.					x	x	x			
54	Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Nhận ra được sắc thái biểu cảm qua lời nói.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe, nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.				x						
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày												
55	Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại sự việc theo trình tự. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao?; có gì giống nhau?, có gì khác nhau?, do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì? - Nói rõ ràng.						x			x	
56	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh. Được làm quen và phát âm 1 số từ tiếng Anh đơn giản.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Dùng từ để diễn đạt phù hợp với ngữ cảnh. - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Đọc và làm quen với các từ tiếng anh đơn giản theo chủ đề.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
57	Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn,		x								

	định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	câu ghép khác nhau.										
58	Trẻ miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
59	Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè... phù hợp với độ tuổi.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
60	Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.				x						
61	Trẻ có thể đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch					x					
62	Sử dụng các từ như: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”,... phù hợp với tình huống, bằng tiếng anh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Nghe hiểu một số từ, một số câu tiếng Anh đơn giản trong giao tiếp phù hợp với độ tuổi. Sử dụng từ bằng tiếng anh: Hello, hi, thankyou, sorry...	x									
63	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh, tình huống, giao tiếp.	- Điều chỉnh cường độ giọng nói to - nhỏ, nhanh - chậm phù hợp. Nói kết hợp với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt... phù hợp.					x					
Làm quen với việc đọc, viết.												
64	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem. Tự tạo được sách tranh theo chủ đề, sự kiện.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn bảo vệ sách. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. - Làm sách tranh theo chủ đề, sự kiện.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

65	Trẻ có thể kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.				X			X		
66	Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu) - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.									X
67	Nhận ra ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa...				X					
		- Làm quen với một số biển báo giao thông (Biển báo phân đường giành cho người đi bộ, biển báo cấm đỗ, biển báo nguy hiểm...)							X		
68	Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng các chữ cái. - Đọc chữ cái đã học trong môi trường có chữ viết.	X	X	X	X	X	X	X	X	X
69	Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	X	X	X	X	X	X	X	X	X
IV. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội											
Phát triển tình cảm											
Thể hiện ý thức về bản thân											
70	Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc sđt.	- Họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân trẻ. - Tên bố, mẹ, địa chỉ nhà, số điện thoại của bố/ mẹ (nếu có)...		X	X						
71	Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc không làm được.	- Khả năng và sở thích riêng của bản thân: + Trẻ kể những việc mà mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do (Ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia		X							

	Biết điểm mạnh, sở thích của bản thân.	nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng...) + Trẻ nói sở thích: Con thích chơi bán hàng... - Hiểu được điểm mạnh, sở thích của bản thân.										
72	Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Nhận ra và chấp nhận sự khác biệt giữa bạn với mình về ngoại hình cơ thể, khả năng, sở thích...		x								
73	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.			x							
74	Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	x									
Thể hiện sự tự tin, tự lực												
75	Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) Rèn kỹ năng tự phục vụ: mặc đồ, rửa tay, dọn đồ chơi...	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Thể hiện sự tự tin khi làm việc đơn giản: chào hỏi, trả lời, cất đồ chơi...	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
76	Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. Điều tiết được cảm xúc và hành vi. Khả năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, chia sẻ.	- Thực hiện và hoàn thành công việc được giao. Biết đặt mục tiêu nhỏ và hoàn thành nhiệm vụ đơn giản. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Tham gia thực hiện các hoạt động giáo dục steam.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

	Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh								
77	Nhận biết được 1 số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. Trẻ nhận biết và gọi tên cảm xúc của chính mình.	- Nhận biết và gọi tên các cảm xúc cơ bản: vui, buồn, tức giận, lo lắng, sợ hãi, tự hào... qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc... - Nhận biết điều gì khiến mình cảm thấy vui, buồn, giận...		x					
78	Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. Biết trấn tĩnh lại, hạn chế cảm xúc và những hành vi tiêu cực khi được người khác an ủi, giải thích... Trẻ điều tiết cảm xúc và hành vi của mình trong các tình huống hàng ngày.	- Thể hiện trạng thái cảm xúc bản thân vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, lời nói phù hợp tình huống giao tiếp khác nhau. - Tự điều chỉnh hành vi, thái độ cảm xúc phù hợp hoàn cảnh. Trấn tĩnh, kiềm chế cảm xúc cho hành vi tiêu cực (đánh bạn, cào cấu, quăng quật, gào khóc...) - Học cách bình tĩnh khi giận hoặc buồn.		x					
79	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. Trẻ hiểu cảm xúc của người khác và thể hiện sự đồng cảm.	- An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt bằng lời nói, cử chỉ nhẹ nhàng... - Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật. Hoan hô, cổ vũ khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó... Biết quan tâm, chia sẻ với bạn khi buồn, vui.			x				
80	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm	- Hình ảnh Bác Hồ- vị lãnh tụ của dân tộc Việt Nam: vàng trán cao, chòm râu bạc, nụ cười hiền từ, đôi mắt sáng... - Quê Bác ở Làng Sen xã Kim Liên, huyện							x

	việc...)	Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. - Một số địa danh nơi Bác sống và làm việc. - Lăng chủ tịch HCM - nơi Bác yên nghỉ.									
81	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. Làm theo 5 điều Bác dạy.	- Kính yêu Bác Hồ. - Múa hát, đọc thơ thể hiện tình cảm kính yêu Bác Hồ. - Cùng cô kể chuyện về Bác. - Học tập làm theo lời Bác.									X
82	Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Một số danh lam thắng cảnh di tích lịch sử của Hải Dương (cũ): Côn Sơn Kiếp Bạc, Văn Miếu Mao Điền, nhà tưởng niệm Lê Thanh Nghị... - Đặc sản nổi tiếng của Hải Phòng: bánh đậu xanh, bánh gai, vải thiều... bánh đa cua, chả mực. - Tự hào và mến yêu cảnh đẹp của Thành Phố Hải Phòng, Thủ đô Hà Nội, nước VN. - Tìm hiểu trang phục của các dân tộc, món ăn đặc trưng của vùng, miền.									X
83	Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn khi ngủ, đi bên phải lề đường, sau khi chơi cất ĐC vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép...)	X		X				X		X
84	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Thể hiện cảm xúc khi giao tiếp.	- Thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi xưng hô lễ phép với người lớn, biết cảm ơn khi được giúp đỡ và cho quà, thể hiện sự ăn năn, xấu hổ, lo lắng khi	X								

		phạm lỗi và nói lời "xin lỗi"... - Giao tiếp lịch sự: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi. - Biết nói ra điều mình muốn một cách lịch sự.									
85	Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý nghe cô, các bạn nói. - Sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép lịch sự, không ngắt lời người khác.				X					
86	Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. Trẻ học cách tôn trọng người khác, chia sẻ, chờ lượt và hợp tác với bạn.	- Có ý thức chờ đợi theo thứ tự, không chen ngang, không xô đẩy người khác... - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Tuân thủ nội quy lớp. - Chia sẻ đồ chơi, chơi nhóm, hợp tác.							X		
87	Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. Phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác và giải quyết xung đột.	- Lắng nghe ý kiến của người khác. - Trình bày ý kiến của mình với các bạn. - Dùng lời nói để trao đổi, thỏa thuận nhờ đến sự giúp đỡ. - Giải quyết xung đột đơn giản: Vd: con không thích bạn lấy đồ khi chưa xin phép.							X		X
88	Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). Trẻ biết phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt”-“xấu”. Ra quyết định có trách nhiệm.	- Giải quyết mâu thuẫn với bạn bằng cách: dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn. - Tự đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn. - Tìm sự hỗ trợ từ người lớn (cô giáo, bác bảo vệ, hàng xóm...) khi cần thiết. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”. - Chọn cách ứng xử phù hợp trong tình huống cụ thể.				X					

		- Biết chịu trách nhiệm với việc mình làm (ví dụ làm đổ nước thì biết lau nước bị đổ)										
89	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Thích thú, hào hứng và cẩn thận khi chăm sóc cây, con vật.					X	X				
90	Bỏ rác đúng nơi quy định. Trẻ có khả năng phân loại rác hữu cơ - vô cơ.	- Giữ gìn VS môi trường: VS lớp, ngoài sân... - Phân loại rác hữu cơ - vô cơ.	X								X	
91	Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng - sai, tốt - xấu. - Nhắc nhở bạn, người thân không xả rác bừa bãi, hái hoa, bẻ cành...					X	X			X	
92	Trẻ biết kiệm trong sinh hoạt:	- Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng. - Khoá vòi nước sau khi dùng. Tiết kiệm nước. - Không để thừa thức ăn.									X	
V. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ												
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật												
93	Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sv, ht. - Yêu thích, hào hứng tham gia hoạt động âm nhạc.	- Thể hiện thái độ, tình cảm, dáng điệu của bản thân khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc (Nghe, hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật. - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc nước ngoài - tiếng Anh).	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

94	Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện. Có ý thức giữ gìn, bảo vệ phát huy bản sắc dân tộc qua các hđ âm nhạc.	- Nghe, cảm nhận, hưởng ứng cảm xúc trước các bài hát, bản nhạc, tác phẩm nghệ thuật. (Nghe hát, giai điệu bản nhạc...) - Nghe các âm thanh từ cuộc sống. - Thể hiện thái độ, tình cảm của bản thân khi nghe và đọc các bài thơ, ca dao, tục ngữ, câu chuyện. - Nghe các làn điệu dân ca, chèo... các bài hát đặc trưng cho các vùng miền đất nước.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
95	Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ, tình cảm và sử dụng các từ gợi cảm của bản thân về màu sắc, hình dáng, bố cục... của các tác phẩm tạo hình (Xem triển lãm tranh, sản phẩm tạo hình của bé...)									x
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình:											
96	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát (Dạy hát các bài hát trong chủ đề, các trò chơi âm nhạc: Hát theo hình vẽ, hát theo giai điệu, xướng âm...)	x	x	x	x	x	x	x	x	x
97	Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết	- Hát kết hợp vỗ tay nhịp nhàng theo các loại tiết tấu khác nhau; múa. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	x	x	x	x	x	x	x	x	x

	tấu, múa).											
98	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm.									X	
99	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra bức tranh có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
100	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra bức tranh có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.					X					
101	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng cân đối.						X				
102	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng hài hòa.								X		
103	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)												
104	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.										X

	bản nhạc, bài hát yêu thích. Tạo ra âm thanh có tính nhạc.	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn) - Phối hợp nguyên vật liệu, sự vật để tạo ra các âm thanh có tính nhạc theo trí tưởng tượng của bản thân. (Thổi kèn lá chuối, trống làm từ vỏ hộp bánh...) - Tạo ra âm thanh có tính nhạc từ các nguyên liệu, sự vật theo cách thức khác nhau (sỏi cho vào vỏ lon để lắc, gõ đệm bằng vỏ chai nhựa, đổ nước vào bát gõ bằng đũa, thổi kèn ốc biển...)								
105	Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. - Sử dụng bộ gõ cơ thể	- Sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo tiết tấu tự chọn. - Sử dụng bộ gõ cơ thể phù hợp với bài hát, bản nhạc.					X			
106	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.							X	X
107	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.								X
Tổng mục tiêu			39	38	40	38	39	39	36	36

Gia Khánh, ngày 20 tháng 8 năm 2025

Người xây dựng kế hoạch

Phó hiệu trưởng

Tổ trưởng

Hoàng Thị Liên

Nguyễn Thị Hà Thanh

B. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Tên chủ đề	Ngày Lễ hội	Số tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Trường mầm non của bé	- Ngày hội đến trường của bé - Bé vui hội trăng rằm	04	Từ ngày 08/9 đến ngày 03/10/2025	
2	Bé khám phá bản thân	- Ngày thành lập hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10	04	Từ ngày 06/10 đến ngày 31/10/2025	
3	Gia đình thân yêu	Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11	04	Từ ngày 03/11 đến ngày 28/11/2025	
4	Bé với một số nghề	Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12	04	Từ ngày 01/12 đến ngày 26/12/2025	
5	Các con vật bé yêu		04	Từ ngày 29/12 đến ngày 23/01/2026	
6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân	Bé vui đón tết nguyên đán	04	Từ ngày 26/01/2026 đến 27/02/2026	
7	Bé với giao thông	Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3	04	Từ ngày 02/3 đến ngày 27/3/2026	

8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên		03	Từ ngày 30/3 đến ngày 17/4/2026	
9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - Trường Tiểu học	Mừng sinh nhật Bác	04	Từ ngày 20/4 đến ngày 22/5/2026	

Gia Khánh, ngày 20 tháng 8 năm 2025

T.M BAN GIÁM HIỆU

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Liên

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH TRONG NĂM HỌC 2025 - 2026

Mục tiêu	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Tuần	Tháng
1, 2, 3, 4, 7, 9, 12, 13, 18, 19, 20, 23, 28, 29, 40, 46, 47, 48, 50, 52, 56, 58, 59, 62, 64, 68, 69, 74, 75, 76, 83, 84, 90, 93, 94, 96, 97, 99, 103. Tổng: 39	Trường mầm non của bé	- Các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.	1	9
		- Các khu vực trong trường.	2	
		- Các cô các bác trong trường mầm non	3	
		- Bé vui tết trung thu	4	
1, 2, 4, 7, 8, 11, 14, 17, 20, 21, 23, 28, 30, 32, 33, 34, 36, 43, 56, 57, 58, 59, 64, 68, 69, 70, 71, 72, 75, 76, 77, 78, 93, 94, 96, 97, 99, 103. Tổng: 38	Bé khám phá bản thân	- Tôi là ai?	5	10
		- Cơ thể của tôi.	6	
		- Tôi cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh?	7	
		- Các hoạt động của tôi.	8	
1, 2, 3, 4, 7, 9, 14, 15, 18, 20, 23, 24, 25, 27, 28, 30, 32, 33, 34, 41, 44, 45, 56, 58, 59, 64, 68, 69, 70, 73, 75, 76, 79, 83, 93, 94, 96, 97, 99, 103. Tổng: 40	Gia đình thân yêu	- Ngôi nhà gia đình ở.	9	11
		- Một số đồ dùng trong gia đình.	10	
		- Nhu cầu của gia đình.	11	
		- Họ hàng gia đình.	12	
1, 2, 4, 5, 6, 7, 15, 16, 18, 20, 23, 28, 30, 32, 33, 34, 41, 49, 54, 56, 58, 59, 60, 64, 65, 67, 68, 69, 75, 76, 85, 88, 93, 94, 96, 97, 99, 103. Tổng: 38	Bé với một số nghề	- Nghề trồng trọt	13	12
		- Nghề giáo viên	14	
		- Bé yêu chú bộ đội	15	
		- Nghề xây dựng	16	

1, 2, 4, 7, 8, 10, 17, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 27, 28, 30, 32, 33, 34, 50, 53, 55, 56, 58, 59, 64, 68, 69, 75, 76, 89, 91, 93, 94, 96, 97, 99, 101, 103. Tổng: 39	Các con vật bé yêu	- Một số con vật nuôi trong gia đình.	17	1
		- Những con vật sống dưới nước.	18	
		- Những con vật sống trong rừng.	19	
		- Một số con côn trùng và chim.	20	
1, 2, 4, 7, 10, 20, 21, 23, 24, 25, 27, 28, 30, 32, 33, 34, 37, 38, 53, 56, 58, 59, 61, 63, 64, 68, 69, 75, 76, 89, 91, 93, 94, 96, 97, 99, 100, 103, 105 Tổng: 39	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân	- Cây xanh và môi trường sống.	21	2
		- Một số cây lương thực.	22	
		- Tết, mùa xuân và các loại hoa.	23	
		- Một số loại rau, củ, quả quanh bé.	24	
1, 2, 4, 5, 7, 19, 20, 23, 24, 28, 30, 32, 33, 34, 53, 56, 58, 59, 64, 65, 67, 68, 69, 75, 76, 83, 86, 87, 93, 94, 96, 97, 99, 102, 103, 106. Tổng: 36	Bé với giao thông	- Bé với phương tiện và luật giao thông đường bộ.	25	3
		- Bé với phương tiện và luật giao thông đường thủy.	26	
		- Bé với PT và luật giao thông đường không.	27	
		- Bé với phương tiện và luật giao thông đường sắt.	28	
1, 2, 4, 5, 7, 14, 20, 21, 22, 23, 28, 30, 31, 39, 42, 55, 56, 58, 59, 64, 68, 69, 75, 76, 90, 91, 92, 93, 94, 96, 97, 98, 99, 103, 106, 107. Tổng: 36	Nước và một số hiện tượng thiên nhiên	- Nước.	29	3, 4
		- Một số hiện tượng thiên nhiên.	30	
		- Thời tiết và mùa.	31	
1, 2, 4, 5, 7, 18, 20, 23, 26, 28, 35, 39, 51, 56, 58, 59, 64, 66, 68, 69, 75, 76, 80, 81, 82, 83, 87, 93, 94, 95, 96, 97, 99, 103, 104, 107. Tổng: 36	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - Trường Tiểu học	- Gia Lộc quê em.	32	4, 5
		- Đất nước Việt Nam yêu dấu.	33	
		- Bác Hồ với các cháu thiếu niên nhi đồng.	34	
		- Bé làm quen với trường tiểu học.	35	

